TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 18/7/2025

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Hùng

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Bà Huỳnh Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2024/TLST-DS ngày 25/11/2024 về vệc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2025/QĐXX-ST ngày 19/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2025/QĐST-DS ngày 18/6/2025, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Thi H** - sinh năm 1980. Địa chỉ: Số K N, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nay là số K N, phường H, thành phố Đà Nẵng có mặt;

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thái T**, sinh năm: 1991 Địa chỉ: Tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nay là Tổ G, phường H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Thi H trình bày:* Năm 2021 ông Lâm Thi H có cho ông Nguyễn Thái T mượn số tiền: 145.000.000 đồng thông qua 4 lần chuyển khoản. Vào ngày 09.8.2021, ông Lâm Thi H chuyển khoản cho ông T 2 lần, 1 lần 50.000.000 đồng và 1 lần 39.000.000 đồng. Do tài khoản của ông Lâm Thi H bị hạn chế giao dịch nên sang hôm sau ông H chuyển tiếp cho ông T số tiền còn lại. Ông T hẹn sau 03 tháng sẽ trả nhưng đến nay mới trả được số tiền: 27.000.000 đồng. Ông Lâm Thi H đã nhiều lần đòi nợ nhưng Nguyễn Thái T có hành vi trốn tránh. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu ông T phải thanh toan cho ông H số tiền gốc là 118.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/11/2024 số tiền là: 42.480.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H yêu cầu ông T trả số tiền 118.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền ông T đã trả là 27.000.000 đồng và ông H không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Thái T trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt và không có ý kiến trình bày gởi đến Tòa án.*

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và của Hội đồng đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt

tại các phiên họp là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 117, 119, 274 và Điều 280 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thi H đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T. Buộc ông Nguyễn Thái T trả cho ông Lâm Thi H số tiền 118.000.000 đồng. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị bị đơn phải chịu tiền án phí và những vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo như đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lâm Thi H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thái T. Địa chỉ: Tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nay là Tổ G, phường H, thành phố Đà Nẵng, tranh chấp số tiền 118.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án triệu tập và tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn ông Nguyễn Thái T nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thái T.

[2] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Thi H cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện: Ngày 09.8.2021 ông Lâm Thi H chuyển khoản cho ông T 2 lần, lần 1: 50.009.900 đồng và lần 2: 39.009.900 đồng; ngày 10/8/2021 ông Lâm Thi H chuyển 02 lần, lần 1 số tiền: 50.009.900 đồng, lần 02: 6.006.600 đồng, tổng cộng 04 lần chuyển là: 145.036.300 đồng (ông T làm tròn 145.000.000 đồng). Ông T hẹn sau 03 tháng sẽ trả nhưng đến nay mới trả được 27.000.000 đồng. Ông Lâm Thi H đã nhiều lần đòi nợ nhưng Nguyễn Thái T có hành vi trốn tránh. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ

án ông H yêu cầu ông T phải thanh toan cho ông H số tiền gốc là 118.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/11/2024 là 42.480.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H yêu cầu ông T trả số tiền 118.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền ông T đã trả là 27.000.000 đồng và ông H không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo sao kê Ngân hàng V - Phòng G do ông Lâm Thi H cung cấp tài khoản số: 0041000774333 đứng tên ông Lâm Thi H có chuyển tiền sang số tài khoản: 797911797979 đứng tên ông Nguyễn Thái T số tiền và thời gian chuyển như lời trình bày của ông Nguyễn Thái T là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lâm Thi H đã chứng minh được đã chuyển số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Thái T. Về phía bị đơn ông Nguyễn Thái T mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thái T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự, việc đương sự không chứng minh và không cung cấp tài liệu, chứng cứ thì phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định giữa ông Lâm Thi H và ông Nguyễn Thái T có quan hệ vay mượn tiền với nhau. Hiện tại ông Nguyễn Thái T còn nợ của ông Lâm Thi H số tiền 118.00.000 đồng như lời trình bày của ông Lâm Thi H là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 91 và Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 274 và Điều 280 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thi H đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T. Buộc ông ông Nguyễn Thái T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lâm Thi H số tiền: 118.000.000 đồng. Đối với tiền lãi do tại phiên tòa ông Lâm Thi H không yêu cầu không yêu cầu ông Nguyễn Thái T trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa ý kiến phát biểu về nội dung giải quyết vụ án Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thi H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thái T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền: 5.900.000

đồng. Nguyên đơn ông Lâm Thi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm án phí cho ông Lâm Thi H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 91; Điều 96 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Điều 117, 119, 274, 280 và Điều 385 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào: Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thi H đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Xử: Buộc ông Nguyễn Thái T phải trả cho ông Lâm Thi H số tiền 118.000.000 đồng *(Một trăm, mười tám triệu đồng)*.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 5.900.000đ *(Năm triệu, chín trăm nghìn đồng)*. Hoàn trả lại cho ông Lâm Thi H số tiền tạm ứng án phí: 4.012.000 đồng theo biên lai thu số: 0009152 ngày 25/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Thái T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

5. Về thi hàn án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4 - Đà Nẵng;*
- *Phòng THA dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

12